

Bản án số: 16/2025/HNGĐ - ST.

Ngày: 24 – 02 – 2025.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rực;

2. Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 210/2024/TLST – HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Ngọc Y, sinh năm 2005; địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lý Phi T, sinh năm 2002; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thạch Thị Ngọc Y trình bày:

Nguyên vào năm 2023, bà và ông Lý Phi Trình tự N chung sống với nhau, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký vào ngày 11/5/2023. Sau khi kết hôn bà và ông T chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó đến tháng 8/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông, bà sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian chung sống bà và ông T có 01 người con chung là Lý Thị Ngọc N1, sinh ngày

12/12/2023, hiện nay đang sống chung với bà. Quá trình chung sống bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Thạch Thị Ngọc Y thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn với ông Lý Phi T; về con chung xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lý Thị Ngọc N1, sinh ngày 12/12/2023 đến khi thành niên, yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật cho đến khi cháu N1 đủ 18 (Mười tám) tuổi; cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; thời gian cấp dưỡng lần đầu tính từ ngày 10/3/2025. Về tài sản chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Lý Phi T:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thạch Thị Ngọc Y.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Lý Thị Ngọc N1, sinh ngày 12/12/2023 cho bà Thạch Thị Ngọc Y được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi; ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật cho đến khi cháu N1 đủ 18 (Mười tám) tuổi; thời gian cấp dưỡng lần đầu tính từ ngày 10/3/2025.

+ Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Ngọc Y xác định trong thời gian chung sống bà và ông Lý Phi T không có tài sản chung, bà không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Thạch Thị Ngọc Y xác định trong thời gian chung sống bà và ông Lý Phi T không có nợ chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lý Phi T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn ông Lý Phi T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2]. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về con chung xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lý Thị Ngọc N1, sinh ngày 12/12/2023 đến khi thành niên, yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N1 với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu N1 đủ 18 (Mười tám tuổi), cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 10/3/2025. Xét thấy việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cần được xem xét và giải quyết trong cùng vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Ngọc Y xác định bà và ông Lý Phi T chung sống như vợ chồng từ năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký ngày 11/5/2023. Hôn nhân của bà Y và ông T tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị Ngọc Y và ông Lý Phi T là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T với lý do trong quá trình chung sống đến tháng 8/2024 thì hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi bà Y chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn ông Lý Phi T, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết nhưng ông không có ý kiến phản đối gì và cũng không trình bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Y và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y được ly hôn với ông T.

[4]. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

[4.1]. Bà Thạch Thị Ngọc Y xác định trong thời gian chung sống bà và ông T có 01 (Một) người con chung là Lý Thị Ngọc N1, sinh ngày 12/12/2023, hiện nay đang sống chung với bà. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Y xác định từ khi bà và ông T sống ly thân thì bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, hiện nay cháu vẫn đang chung sống với bà nên bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi, yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật cho đến khi cháu N1 đủ 18 (Mười tám) tuổi; thời gian cấp dưỡng lần đầu tính từ ngày 10/3/2025. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà Y và ông T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2024 cho đến nay, trong khoảng thời gian này cháu N1 chung sống với bà Y, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đã ổn định; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu và hiện nay cháu N1 dưới 36 (Ba mươi sáu) tháng tuổi nên cần được quan tâm chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N1 cho bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Lý Phi T mà không ai được ngăn cản.

[4.2]. Tại phiên tòa bà Y yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N1 với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu N1 đủ 18 (Mười tám tuổi), cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 10/3/2025. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác; Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con”, do đó ông Lý Phi T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lý Thị Ngọc N1 là phù hợp. Về phương thức cấp dưỡng mà bà Y yêu cầu cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về mức cấp dưỡng: theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”, đồng thời căn cứ theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: “Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”. Do đó, mức cấp dưỡng mà bà Y yêu cầu

ông T cấp dưỡng cho cháu N1 theo quy định pháp luật là phù hợp, bởi lẽ bà Y không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh thu nhập trung bình mỗi tháng của ông T là bao nhiêu. Biết rằng, tại thời điểm xét xử thì tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng là ông T đang cư trú (ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng thuộc vùng IV) là 3.450.000 đồng/tháng. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N1 mỗi tháng là 1.725.000 đồng (1/2 mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú) cho đến khi cháu N1 đủ 18 (Mười tám) tuổi là phù hợp.

[5]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị Ngọc Y xác định bà và ông Lý Phi T không có tài sản chung, bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị Ngọc Y xác định bà và ông Lý Phi T không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Thạch Thị Ngọc Y phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Lý Phi T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[8]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Thạch Thị Ngọc Y được ly hôn với ông Lý Phi T.
2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lý Thị Ngọc N1, sinh ngày 12/12/2023 cho bà Thạch Thị Ngọc Y được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi; ông Lý Phi T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N1 mỗi tháng là 1.725.000 đồng (Một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi cháu N1 đủ 18 (Mười tám) tuổi; phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; cấp dưỡng lần đầu vào ngày 10/3/2025; địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú,

tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ly hôn ông Lý Phi T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006792 ngày 21/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Y đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Lý Phi T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

**Nơi nhận:
TÒA**

- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hưng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.TT, KT& THA);
- Lưu (HS, VP).

Lê Hoàng Bảo